



PETROLIMEX
PLX LUBES

BM-24-01-1-PT

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Tên sản phẩm: **Grease L 3**

Số lô: 0660, NSX: 06/2025

Số lượng: 5220 Kg (29 phuy x 180 Kg)

STT	Các chỉ tiêu	Phương pháp thử	Thông số kỹ thuật	Kết quả
1	Loại chất làm đặc	Công thức	Xà phòng Liti	Xà phòng Liti
2	Bề ngoài và kết cấu	Cảm quan	Mềm nhẵn	Mềm nhẵn
3	Màu	Cảm quan	Hồ phách	Hồ phách
4	Độ đặc của mỡ làm việc tại 25±0,5°C			
a)	Độ bền làm việc (60 giờ)	ASTM D217	220 ÷ 250	235
5	Nhiệt độ nhỏ giọt, °C, min	ASTM D566	180	197
6	Kiểm tự do (Liti hydroxit) %KL, max	ASTM D128	0.1	0.04
7	Axit hữu cơ tự do (Axit oleic) %KL	ASTM D128	Không phát hiện	Không phát hiện
8	Ăn mòn đồng tại 100°C, 24h	ASTM D4048	Không ăn mòn	Không ăn mòn
9	Khuynh hướng rò rỉ và tạo cặn			
a)	Khuynh hướng rò rỉ (g), max	ASTM D1263	5	3.6
b)	Cặn trong ổ lăn bánh xe	Không có cặn		Không có cặn
c)	Dấu hiệu chạy không tải của vòng lăn	Không có dấu hiệu chạy không tải		-
10	Độ bền oxi hóa, psi, max	ASTM D942	7	3.3
11	Độ tách dầu CGOR tại 54°C, %KL	M 1066	3.5 ÷ 7.5	3.9
12	Tính chống gỉ (SKF EMCOR "B")	IP 220	0	0
13	Ăn mòn thép	FTM 5309	Không ăn mòn	Không ăn mòn
14	Phần trăm dầu khoáng	-	80 ÷ 85	83
15	Khoảng nhiệt độ làm việc	-	-20°C đến +120 °C	-20°C đến +120 °C
16	Độ nhớt động học của dầu gốc ở 100°C, cst	ASTM D445	10 ÷ 14	12.4

Ghi chú:

Loại mỡ này được tăng cường với các phụ gia chống rỉ, chống oxi hóa, chống ăn mòn và các phụ gia đặc trưng kéo dài thời gian sử dụng của mỡ.

Kết quả được trích xuất từ CCCL gốc của nhà cung cấp.



TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP



VILAS 022

TRƯỞNG PHÒNG VILAS 022

Nguyễn Thị Thanh Tâm

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP

Tầng 18&19, 229 Tây Sơn, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam-T:(04) 3.8513205-F:(04) 3.8513207-W:www.plc.petrokimex.com.vn